

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 41

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	
Ông Lee Je Won	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Jean – Charles Belliol	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2016
Ông Suh Seung Chul	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2016
Ông Hong Sun	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Đại diện Ban Giám đốc



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61110609/18490998

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Đức Trường
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2013-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		806.166.992.285	809.975.064.838
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	78.546.140.339	44.404.107.275
111	1. Tiền		48.046.140.339	26.354.107.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.500.000.000	18.050.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		73.140.000.000	160.692.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	73.140.000.000	160.692.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		247.889.820.510	228.826.973.858
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	194.872.629.827	173.704.711.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	6.071.660.749	10.130.609.792
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60.773.000.000	48.373.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.507.190.847	3.641.977.305
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(19.334.660.913)	(7.130.852.778)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	107.527.853
140	IV. Hàng tồn kho	9	403.265.408.821	372.168.948.036
141	1. Hàng tồn kho		407.498.534.820	373.872.814.884
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.233.125.999)	(1.703.866.848)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.325.622.615	3.883.035.669
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.175.622.615	1.425.645.853
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	-	2.307.389.816
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17	150.000.000	150.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

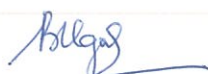
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		319.642.386.144	302.499.991.925
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.647.711.335	900.309.734
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.923.038.131	2.175.636.530
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(1.275.326.796)	(1.275.326.796)
220	II. Tài sản cố định		284.499.556.656	254.201.679.060
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	273.544.002.316	240.690.319.131
222	Nguyên giá		503.145.837.568	452.226.909.871
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(229.601.835.252)	(211.536.590.740)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	83.274.958	94.630.633
225	Nguyên giá		113.556.756	113.556.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.281.798)	(18.926.123)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	10.872.279.382	13.416.729.296
228	Nguyên giá		39.451.177.876	39.451.177.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.578.898.494)	(26.034.448.580)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	20.736.250.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	20.736.250.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		14.228.590.000	14.228.590.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	10.444.000.000	10.444.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13	11.590.390.000	11.590.390.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	2.638.200.000	2.638.200.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	13	(10.444.000.000)	(10.444.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		19.266.528.153	12.433.163.131
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	15.147.738.448	12.433.163.131
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	4.118.789.705	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.125.809.378.429	1.112.475.056.763

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		152.112.879.139	198.905.625.956
310	I. Nợ ngắn hạn		105.326.422.293	157.860.427.920
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	43.768.285.152	32.485.033.652
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.647.479.131	6.279.199.056
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	26.692.548.103	33.075.767.049
314	4. Phải trả người lao động		11.285.501.070	11.382.384.644
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.546.128.909	158.008.909
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	463.840.906
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	986.317.392	5.488.110.683
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	14.400.162.536	68.528.083.021
330	II. Nợ dài hạn		46.786.456.846	41.045.198.036
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.849.537.782	3.742.142.814
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	41.405.772.228	34.619.933.937
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	1.531.146.836	2.683.121.285
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	973.696.499.290	913.569.430.807
410	I. Vốn chủ sở hữu		973.696.499.290	913.569.430.807
411	1. Vốn cổ phần	21.3	419.797.730.000	279.865.180.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	279.865.180.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.2	203.072.724.247	191.000.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.2	-	(10.491.434.356)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.5	12.055.386.440	9.949.623.119
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		338.770.658.603	443.246.062.044
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		241.739.314.617	325.107.765.842
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		97.031.343.986	118.138.296.202
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.125.809.378.429	1.112.475.056.763



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	23.1	866.361.768.117	878.815.591.593
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(5.054.666.284)	(2.816.494.881)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	23.1	861.307.101.833	875.999.096.712
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(569.082.025.170)	(561.557.327.455)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		292.225.076.663	314.441.769.257
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	14.439.195.812	15.403.104.116
22	7. Chi phí tài chính	25	(5.880.198.974)	(10.939.818.744)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.325.559.359)	(2.860.694.942)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(82.114.536.494)	(74.570.883.134)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(101.177.926.220)	(87.997.453.942)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.491.610.787	156.336.717.553
31	11. Thu nhập khác	27	4.323.488.385	644.243.607
32	12. Chi phí khác	27	(361.533.427)	(4.106.247.811)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	27	3.961.954.958	(3.462.004.204)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.453.565.745	152.874.713.349
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(28.541.011.464)	(34.736.417.147)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	4.118.789.705	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế		97.031.343.986	118.138.296.202



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		121.453.565.745	152.874.713.349
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		32.961.044.534	32.327.150.578
03	Các khoản dự phòng		14.830.462.254	(1.030.729.982)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(847.133.236)	892.136.524
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.581.179.294)	(9.425.631.578)
06	Chi phí lãi vay	25	4.325.559.359	2.860.694.942
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		162.142.319.362	178.498.333.833
09	Tăng các khoản phải thu		(15.365.657.745)	(6.898.308.877)
10	Tăng hàng tồn kho		(33.625.719.936)	(58.620.097.186)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		7.142.742.107	(13.273.440.062)
12	Giảm chi phí trả trước		75.902.466	2.592.746.836
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.431.737.091)	(2.468.179.637)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(37.481.419.321)	(27.428.056.122)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.615.836.596)	(2.504.059.728)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		73.840.593.246	69.898.939.057
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(44.653.593.156)	(48.744.913.814)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		501.016.182	822.000.000
23	Tiền chi cho vay, đầu tư ngắn hạn		(255.813.000.000)	(57.473.000.000)
24	Tiền thu cho vay, đầu tư ngắn hạn		330.965.000.000	34.037.759.578
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(11.590.390.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.692.731.378	7.438.505.895
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		40.692.154.404	(75.510.038.341)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		22.564.158.603	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		124.183.345.835	228.847.549.636
34	Tiền trả nợ gốc vay		(171.500.370.076)	(186.028.953.566)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(25.057.953)	(20.666.552)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(55.897.044.106)	(27.210.964.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(80.674.967.697)	15.586.965.168
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		33.857.779.953	9.975.865.884
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	44.404.107.275	34.113.009.254
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		284.253.111	315.232.137
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	78.546.140.339	44.404.107.275



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu




Cho Yong Hwan
Phó Tổng giám đốc
Phụ trách Tài chính

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.317 người (tại 31 tháng 12 năm 2015 là 1.324 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty TNHH Everpia Cambodia

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại Số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã quyết định bán cổ phần đã góp vào công ty con này.

Công ty TNHH Everpia Intermaru

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Intermaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Intermaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật Đức.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty quyết định không chuyển tiền đầu tư cho công ty con này như kế hoạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty con này là một công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 152-55 Samsung Dong, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình góp vốn vào công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 29 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thương hiệu, kênh phân phối

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.10 Các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tài Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ* (tiếp theo)

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	544.074.599	389.751.336
Tiền gửi ngân hàng	47.502.065.740	25.964.355.939
Các khoản tương đương tiền (*)	30.500.000.000	18.050.000.000
	<u>78.546.140.339</u>	<u>44.404.107.275</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	124.183.345.835	228.847.549.636
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(171.500.370.076)	(186.028.953.566)
- Tiền trả nợ gốc nợ thuê tài chính	(25.057.953)	(20.666.552)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	73.140.000.000	73.140.000.000	160.692.000.000	160.692.000.000
	73.140.000.000	73.140.000.000	160.692.000.000	160.692.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn từ khách hàng

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	178.976.808.744	160.238.309.069
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Phú Trường Giang	8.660.898.816	5.754.471.416
Công ty Cổ Phần Welcron Global Việt Nam	7.921.768.085	5.482.899.052
Công ty TNHH RSCO	5.186.214.570	177.472.414
Đại lý AT- 278 Phố Huế	4.904.525.592	4.956.904.636
Công ty TNHH Global Garment Sourcing	4.896.229.069	1.514.152.598
Các khoản phải thu khách hàng khác	147.407.172.612	142.352.408.953
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	15.895.821.083	13.466.402.617
	194.872.629.827	173.704.711.686
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(19.334.660.913)	(7.130.852.778)
<i>Trong đó</i>		
<i>Các khoản phải thu sử dụng để thế chấp</i>	-	53.645.000.000

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
DongHa Co., Ltd	464.455.050	298.650.369
Jiangsu Goldsun Textile Trade Co., Ltd	387.814.807	159.830.106
Daekwang Textile Co., Ltd	378.086.387	176.219.548
Công ty TNHH JM Điện Cơ Và Xây dựng Việt Nam	696.080.000	696.080.000
Trả trước cho các đối tượng khác	4.145.224.505	8.799.829.769
	6.071.660.749	10.130.609.792

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	60.773.000.000	48.373.000.000
	60.773.000.000	48.373.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi và cho vay	2.671.645.130	1.706.081.460
Tạm ứng cho nhân viên	636.650.166	1.374.681.264
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	97.179.805	123.897.766
Phải thu ngắn hạn khác	2.101.715.746	437.316.815
	5.507.190.847	3.641.977.305
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	2.279.711.500	-
<i>Phải thu khác từ các đối tượng khác</i>	3.227.479.347	3.641.977.305
Dài hạn		
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xơ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.678.895.409	931.493.808
	2.923.038.131	2.175.636.530
	8.430.228.978	5.817.613.835
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1.275.326.796)	(1.275.326.796)

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	13.907.889.386	-	3.932.412.189	-
Nguyên liệu, vật liệu	207.115.603.974	(688.261.204)	193.981.555.479	(1.648.758.887)
Công cụ, dụng cụ	-	-	190.501.831	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.295.952	-	668.882.146	-
Thành phẩm	177.464.690.002	(3.544.864.795)	165.383.599.686	(55.107.961)
Hàng hóa	8.988.055.506	-	9.714.011.642	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.851.911	-
	407.498.534.820	(4.233.125.999)	373.872.814.884	(1.703.866.848)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.703.866.848	4.610.151.256
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.736.761.851	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(207.502.700)	(2.906.284.408)
Số cuối năm	4.233.125.999	1.703.866.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị vận phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	154.341.887.970	243.875.405.829	19.599.457.115	15.394.299.956	19.015.859.001	452.226.909.871
- Mua trong năm	10.684.702.000	24.925.489.772	388.892.423	11.595.018.916	47.155.500	47.641.258.611
- Đào tư XDCB hoàn thành	16.195.795.455	-	-	-	-	16.195.795.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.949.067.280)	(342.392.423)	(626.666.666)	-	(12.918.126.369)
Số cuối năm	181.222.385.425	256.851.828.321	19.645.957.115	26.362.652.206	19.063.014.501	503.145.837.568
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	444.434.009	88.336.360.415	6.892.654.690	883.644.973	3.727.011.981	100.284.106.068
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.1)	15.174.006.236	47.108.852.028	-	5.670.290.909	-	67.953.149.173
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	38.495.340.578	143.470.153.070	9.970.665.846	10.829.979.745	8.770.451.501	211.536.590.740
- Khấu hao trong năm	6.490.320.412	17.728.326.409	1.109.214.852	2.960.211.722	2.117.165.550	30.405.238.945
- Thanh lý, nhượng bán	-	(11.566.706.145)	(261.549.750)	(511.738.538)	-	(12.339.994.433)
Số cuối năm	44.985.660.990	149.631.773.334	10.818.330.948	13.278.452.929	10.887.617.051	229.601.835.252
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	115.846.547.392	100.405.252.759	9.628.791.269	4.564.320.211	10.245.407.500	240.690.319.131
Số cuối năm	136.236.724.435	107.220.054.987	8.827.626.167	13.084.199.277	8.175.397.450	273.544.002.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Thiết bị văn phòng

Nguyên giá:	
Số đầu năm	113.556.756
Thuê trong năm	-
Số cuối năm	<u>113.556.756</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	18.926.123
Khấu hao trong năm	<u>11.355.675</u>
Số cuối năm	<u>30.281.798</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>94.630.633</u>
Số cuối năm	<u>83.274.958</u>

Đây là máy photocopy được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					Tổng cộng
Số đầu năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
Số cuối năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	-	266.973.710	686.893.747	953.867.457
Giá trị hao mòn:					
Số đầu năm	14.910.763.823	6.798.774.485	3.638.016.585	686.893.687	26.034.448.580
Hao mòn trong năm	1.226.248.025	516.362.635	801.839.254	-	2.544.449.914
Số cuối năm	16.137.011.848	7.315.137.120	4.439.855.839	686.893.687	28.578.898.494
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	8.583.736.177	1.032.725.515	3.800.267.604	-	13.416.729.296
Số cuối năm	7.357.488.152	516.362.880	2.998.428.350	-	10.872.279.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty con	10.444.000.000	(10.444.000.000)	-	10.444.000.000	(10.444.000.000)	-
Đầu tư vào công ty liên kết	11.590.390.000	-	11.590.390.000	11.590.390.000	-	11.590.390.000
	22.034.390.000	(10.444.000.000)	11.590.390.000	22.034.390.000	(10.444.000.000)	11.590.390.000

13.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Everpia Cambodia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Everpia Intermaru	100%	100%	-	-
Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	-	-
	100%	100%	100%	100%

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	44%	44%	44%	44%
	44%	44%	44%	44%

Công ty Cổ phần Texpia (trước đây là Công ty Cổ phần Intermaru Vina) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 44% cổ phần trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	150.000.000	150.000.000
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất xuất dùng	645.283.827	183.655.804
Bảo hiểm cháy nổ	447.941.340	355.525.696
Phí quảng cáo	914.994.045	-
Khác	1.017.403.403	736.464.353
	<u>3.175.622.615</u>	<u>1.425.645.853</u>
Dài hạn		
Tiền thuê mặt bằng (*)	7.380.175.025	7.624.071.875
Tiền thuê đất ở Hòa Bình	5.429.545.455	-
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất xuất dùng	1.242.478.256	2.348.157.875
Thiết bị quản lý văn phòng	453.097.232	1.259.045.812
Khác	642.442.480	1.201.887.569
	<u>15.147.738.448</u>	<u>12.433.163.131</u>

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư của Công ty.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
EP International Company Limited	10.648.692.462	10.648.692.462	3.506.414.577	3.506.414.577
Phải trả cho các đối tượng khác	<u>33.119.592.690</u>	<u>33.119.592.690</u>	<u>28.978.619.075</u>	<u>28.978.619.075</u>
	<u>43.768.285.152</u>	<u>43.768.285.152</u>	<u>32.485.033.652</u>	<u>32.485.033.652</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	221.100.000	221.100.000	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	43.547.185.152	43.547.185.152	32.485.033.652	32.485.033.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	343.984.964	60.770.996.118	58.185.066.916	2.929.914.166
Thuế xuất và nhập khẩu	550.254.566	1.142.002.474	1.119.017.197	573.239.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29)	31.377.106.680	28.541.011.464	37.481.419.321	22.436.698.823
Thuế thu nhập cá nhân	741.086.150	8.807.225.886	8.846.451.454	701.860.582
Các loại thuế khác	63.334.689	451.384.000	463.884.000	50.834.689
	33.075.767.049	99.712.619.942	106.095.838.888	26.692.548.103

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã cân trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.307.389.816	20.081.472.373	22.388.862.189	-
Thuế xuất, nhập khẩu	150.000.000	-	-	150.000.000
	2.457.389.816	20.081.472.373	22.388.862.189	150.000.000

18. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền coupon	588.840.909	-
Kinh phí công đoàn	4.908.000	86.123.580
Bảo hiểm xã hội	84.545.734	98.253.322
Phải trả ngắn hạn khác	308.022.749	5.303.733.781
	986.317.392	5.488.110.683
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.522.669.782	3.425.274.814
Phải trả dài hạn khác	326.868.000	316.868.000
	3.849.537.782	3.742.142.814
	4.835.855.174	9.230.253.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Thay đổi trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn							
Vay ngân hàng	68.528.083.021	68.528.083.021	99.268.682.256	167.796.765.277	-	-	
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	-	-	25.057.953	-	25.057.953	25.057.953	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.1)	-	-	18.028.593.476	3.653.488.893	14.375.104.583	14.375.104.583	
	68.528.083.021	68.528.083.021	117.322.333.685	171.450.254.170	14.400.162.536	14.400.162.536	
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	34.535.069.200	34.535.069.200	24.889.605.626	18.053.651.429	41.371.023.397	41.371.023.397	
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 19.2)	84.864.737	84.864.737	-	50.115.906	34.748.831	34.748.831	
	34.619.933.937	34.619.933.937	24.889.605.626	18.103.767.335	41.405.772.228	41.405.772.228	
	103.148.016.958	103.148.016.958	142.211.939.311	189.554.021.505	55.805.934.764	55.805.934.764	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		Kỳ hạn trả gốc suất/năm	Lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	33.230.716.140	USD 1.457.488	Trong vòng 4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 3,5% đến 3,62%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	18.515.411.840	VND 18.515.411.840	Trong vòng 5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 11 năm 2020	7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	4.000.000.000	VND 4.000.000.000	Trong vòng 5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	6,83%	Xe ô tô được mua từ khoản vay này
	55.746.127.980				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	14.375.104.583				
Vay dài hạn	41.371.023.397				

19.2 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy photocopy theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.683.121.285	7.736.603.050
Tăng trong năm:	-	-
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-
Giảm trong năm:	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	(1.151.974.449)	(5.053.481.765)
Số cuối năm	<u>1.531.146.836</u>	<u>2.683.121.285</u>

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	8.227.907.722	357.780.872.530	826.382.525.896	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	118.138.296.202	118.138.296.202	
- Cổ tức đã chia	-	-	-	4.225.775.125	(4.225.775.125)	-	
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	(2.504.059.728)	(27.210.964.350)	(27.210.964.350)	
Số cuối năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.949.623.119	443.246.062.044	913.569.430.807	
Năm nay							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.949.623.119	443.246.062.044	913.569.430.807	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	97.031.343.986	97.031.343.986	
- Chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	10.491.434.356	-	-	22.564.158.603	
- Cổ tức đã chia	139.932.550.000	-	-	5.677.153.321	(5.677.153.321)	-	
- Giảm khác	-	-	-	(3.571.390.000)	(195.829.594.106)	(55.897.044.106)	
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	-	12.055.386.440	338.770.658.603	973.696.499.290	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	279.865.180.000	279.865.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	191.000.000.000	191.000.000.000
Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(10.491.434.356)	(10.491.434.356)
	622.870.454.247	622.870.454.247	460.373.745.644	460.373.745.644

(*) Trong tháng 5 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng 479.300 cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân là 47.200 VND/cổ phiếu.

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	279.865.180.000	279.865.180.000
Tăng vốn trong năm (*)	139.932.550.000	-
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	419.797.730.000	279.865.180.000
Cổ tức đã trả	(195.829.594.106)	(27.210.964.350)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 02/ĐHĐCĐ2016/NQ ngày 24 tháng 6 năm 2016, vào ngày 27 tháng 7 năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2015 với tỷ lệ 50%. Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 13.993.255 cổ phiếu, tương đương số tăng vốn cổ phần 139.932.550.000 VND.

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	27.986.518
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	27.986.518
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	27.986.518
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	(479.300)
Cổ phiếu phổ thông	-	(479.300)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	27.507.218
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	27.507.218
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là EVE. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2016 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	652.250	677.231
- Euro (EUR)	162	173

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	866.361.768.117	878.815.591.593
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	<i>505.908.738.594</i>	<i>521.500.815.236</i>
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	<i>262.368.040.097</i>	<i>253.215.597.204</i>
<i>Doanh thu chần bông</i>	<i>78.501.474.216</i>	<i>69.280.103.228</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	<i>19.076.994.595</i>	<i>34.529.755.025</i>
<i>Doanh thu từ bán phế liệu</i>	<i>506.520.615</i>	<i>289.320.900</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.054.666.284)	(2.816.494.881)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(821.166.454)</i>	<i>(2.816.494.881)</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(4.233.499.830)</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	861.307.101.833	875.999.096.712
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>5.499.212.608</i>	<i>7.974.628.828</i>
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên khác</i>	<i>855.807.889.225</i>	<i>868.024.467.884</i>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.434.695.048	8.920.987.355
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.780.900.764	6.213.304.825
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223.600.000	223.600.000
Doanh thu tài chính khác	-	45.211.936
	14.439.195.812	15.403.104.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	374.273.840.033	370.749.278.599
Giá vốn thành phẩm bông	136.563.985.175	141.536.538.977
Giá vốn chần bông	49.478.253.855	37.767.902.768
Giá vốn bán hàng hóa khác	8.765.946.107	11.503.607.111
	<u>569.082.025.170</u>	<u>561.557.327.455</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	4.325.559.359	2.860.694.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.539.270.629	7.356.722.812
Chi phí tài chính khác	15.368.986	722.400.990
	<u>5.880.198.974</u>	<u>10.939.818.744</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.504.655.564	1.302.557.467
- Chi phí nhân công	29.577.137.363	25.876.522.271
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.632.355.455	4.800.696.850
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.706.700.582	28.896.292.104
- Chi phí khác	8.693.687.530	13.694.814.442
	<u>82.114.536.494</u>	<u>74.570.883.134</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân công	56.527.222.459	39.791.458.717
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.004.280.457	25.760.601.011
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.715.211.435	12.212.032.601
- Chi phí khác	19.931.211.869	10.233.361.613
	<u>101.177.926.220</u>	<u>87.997.453.942</u>
	<u>183.292.462.714</u>	<u>162.568.337.076</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	4.323.488.385	644.243.607
Thuế TNDN trích thừa các năm trước	4.087.927.679	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	37.641.912	20.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	281.043.851
Thu nhập khác	197.918.794	343.199.756
Chi phí khác	361.533.427	4.106.247.811
Chi thanh lý tài sản	77.115.754	-
Chi phí hỗ trợ nhân viên	-	601.492.750
Chi phí hoa hồng	-	862.736.553
Chi phí khác	284.417.673	2.642.018.508
Lỗ khác	<u>3.961.954.958</u>	<u>(3.462.004.204)</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.583.045.875	510.823.651.186
Chi phí nhân công	166.782.093.589	127.581.886.599
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	32.961.044.534	50.023.959.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.646.234.856	46.878.106.224
Chi phí khác	28.834.721.241	24.377.925.543
	<u>763.807.140.095</u>	<u>759.685.528.564</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.541.011.464	34.736.417.147
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.118.789.705)	-
	<u>24.422.221.759</u>	<u>34.736.417.147</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	121.453.565.745	152.874.713.349
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (22% trong năm 2015) áp dụng cho Công ty	24.290.713.149	33.632.436.937
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>3.016.609.175</i>	<i>1.369.081.674</i>
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	3.016.609.175	1.341.917.545
Dự phòng trợ cấp mất việc làm trích lập thêm	-	27.164.129
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	<i>(2.885.100.565)</i>	<i>(265.101.464)</i>
Các khoản chênh lệch tạm thời	(2.022.795.029)	-
Thu nhập không chịu thuế TNDN	(817.585.536)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và phải thu của năm trước	-	(6.190.925)
Doanh thu phiếu mua hàng chưa giao hàng cho khách hàng	-	(10.400.000)
Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	-	(199.318.539)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(44.720.000)	(49.192.000)
Chi phí thuế TNDN	24.422.221.759	34.736.417.147

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Doanh thu chưa thực hiện	117.768.182	-	117.768.182	-
Các khoản giảm trừ doanh thu chưa phát hành hóa đơn	846.699.966	-	846.699.966	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	846.625.200	-	846.625.200	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.876.607.625	-	1.876.607.625	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	704.533.956	-	704.533.956	-
	4.392.234.929	-	4.392.234.929	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(273.445.224)	-	(273.445.224)	-
	(273.445.224)	-	(273.445.224)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	4.118.789.705	-		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			4.118.789.705	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Everpia Cambodia	Công ty con	Bán hàng hóa	5.499.212.608	7.974.628.828
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	16.040.000.000	57.473.000.000
		Thu tiền cho vay	3.640.000.000	9.100.000.000
		Doanh thu gia công	2.851.649.941	1.272.293.966
		Lãi cho vay	4.157.661.832	689.460.500
		Thanh lý tài sản	400.000.000	-
		Doanh thu dịch vụ	880.000.000	-
		Mua khăn lau và miếng lau màn hình	809.950.000	-
		Doanh thu bán nón đội cho công nhân	2.706.060	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi là 9.951.622.787 VND liên quan đến số tiền Công ty TNHH Everpia Cambodia còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Everpia Cambodia	Công ty con	Bán hàng hóa	14.689.413.299	13.196.719.732
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Gia công	1.206.407.784	269.682.885
			15.895.821.083	13.466.402.617
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.549.711.500	-
		Thanh lý tài sản	330.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	400.000.000	-
			2.279.711.500	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60.773.000.000	48.373.000.000
			60.773.000.000	48.373.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phải trả người bán (Thuyết minh số 16)				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Mua khăn lau	221.100.000	-
			221.100.000	-

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia (trước đây là Công ty Cổ phần Intermaru Vina) vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn từ 1 đến 8 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	15.644.586.829	15.199.292.436
	15.644.586.829	15.199.292.436

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 97,78% tổng doanh thu trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 002/2017/HĐQT/NQ ngày 16 tháng 3 năm 2017, Công ty đang trong quá trình tiến hành thủ tục bán Công ty con là Công ty TNHH Everpia Cambodia và chấm dứt đầu tư vào Công ty TNHH Everpia Intermaru.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2017